

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Trái đất – Mỏ; Chuyên ngành: Thủy văn học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Ý Như**

2. Ngày tháng năm sinh: 23/01/1987; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xuân Phổ, Nghi Xuân, Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Căn hộ chung cư số D0504, Tổ hợp Nhà ở đa năng 28 tầng, Tháp Đông, Làng Quốc tế Thăng Long, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): D504, Tháp Đông, Toà Hancorp Plaza, 72D Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Dịch Vọng, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:.; Điện thoại di động: 0869110757; E-mail: nguyennhu@hus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 11/2011 đến nay: Giảng viên tại Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Bộ môn Thủy văn và Tài nguyên nước; Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ môn Thủy văn và Tài nguyên nước; Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học, Trường Đại học
Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Địa chỉ cơ quan: Phòng 201, nhà T3, 334, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (024) 3858 1419.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn
nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 06 năm 2009; số văn bằng: QC 069063; ngành: Thủy
văn học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia
Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 16 tháng 05 năm 2012; số văn bằng: QM013801; ngành: Thủy
văn học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia
Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 03 năm 2017; số văn bằng: 397; ngành: Quản lý tổng
hợp lưu vực sông; chuyên ngành: Thủy văn học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường
Đại học Yamanashi, Nhật Bản. Viết và bảo vệ luận án TS bằng tiếng Anh.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Khoa
học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: **Khoa học
Trái đất – Mỏ**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu biến động tài nguyên nước dưới tác động của biến đổi
khí hậu và hoạt động kinh tế xã hội.

- Hướng nghiên cứu 2: Đánh giá rủi ro và định lượng thiệt hại do thiên tai

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính 04 HVCH, và hướng dẫn phụ 01 HVCH bảo vệ thành công luận văn
ThS;

- Đã chủ trì hoàn thành 01 đề tài NCKH từ cấp cấp Đại học Quốc Gia Hà Nội đạt loại tốt;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã chủ trì hoàn thành 01 đề tài cấp cơ sở về nhiệm vụ môi trường của VP ĐHQG đạt loại tốt;

- Đã chủ trì hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu sau tiến sĩ VINIF xuất sắc

- Thư kí khoa học của 01 đề tài cấp Nhà nước đang thực hiện

- Thành viên thực hiện 5 đề tài, dự án cấp Tỉnh, đề tài cấp ĐHQG đã bảo vệ

- Đã công bố **43** bài báo Khoa học, Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế: Trong đó có **16** bài báo Khoa học quốc tế uy tín (ISI/Scopus), **1** bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phân biện, **5** bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, **20** bài đăng trong tạp chí khoa học trong nước, **01** bài đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia. Trong đó có 5 bài báo được đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI (Top 5% Q1, Q2) mà UV là tác giả chính sau TS. Tác giả chính/tác giả liên hệ của: **9** bài báo khoa học đăng trên Tạp chí quốc tế có uy tín (**7 bài ISI, 01 bài ESCI, 1 bài SCOPUS**), **1** bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phân biện, **04** bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, **01** bài đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia, **10** bài báo khoa học trong nước.

Sau đây là 05 công trình KH tiêu biểu nhất đại diện cho các hướng nghiên cứu chính

1. **Nhu Y Nguyen***, Duy Huy Binh Pham, Thu Thao Hoang, Van Sy Pham, Dang Dinh Kha & Tien Giang Nguyen (2022) A composite approach towards understanding the mechanisms and driving variables of river mouth variability: A case study of the Da Dien River mouth, *Coastal Engineering Journal* 64:4, 533-550, DOI: 10.1080/21664250.2022.2124046. ISI, $IF_{5year}=2.7$, Q1. (Tác giả chính và tác giả liên hệ)
2. Huu Duy Nguyen, Dinh Kha Dang, **Y Nhu Nguyen***, Thi Thao Van Nguyen, Quoc-Huy Nguyen, Quang-Thanh Bui (2023). Integration of Machine Learning and hydrodynamic modeling to solve the extrapolation problem in flood depth estimation. *Journal of Water and Climate Change* 15 (1), 284-304. doi: 10.2166/wcc.2023.573. ISI, $IF_{2024}=2.8$, Q2. (Tác giả liên hệ)
3. **Nguyen YN***, Ichikawa Y, Ishidaira H. (2016). Estimation of water depth using flood extent information and hydrodynamic simulation. *Hydrological Research Letters* 10: 39-44. DOI: 10.3178/hrl.10.39. ISI, $IF_{2022} = 1.1$, Q2, số trích dẫn 24. (Tác giả chính và tác giả liên hệ)
4. **Nhu Y Nguyen***, Dang Dinh Kha, Yutaka Ichikawa, 2021. Developing a multivariable lookup table function for estimating flood damages of rice crop in Vietnam using a secondary research approach. *International Journal of Disaster Risk Reduction*. Vol 58, 2021, 102208. <https://doi.org/10.1016/j.ijdr.2021.102208>. $IF= 5.0$, Q1, Top5%). (Tác giả chính và tác giả liên hệ)
5. **Nguyen YN***, Ichikawa Y, Ishidaira H. 2017. Establishing flood damage functions for agricultural crops using estimated inundation depth and flood disaster statistics in data – scarce regions. *Hydrological Research Letters* 11: 12-18. DOI: 10.3178/hrl.11.12. ISI, $IF_{2022} = 1.1$, Q2, số trích dẫn 17. (Tác giả chính và tác giả liên hệ)

- 01 đơn đăng ký bằng sáng chế được chấp nhận và công bố trên công báo sở hữu công nghiệp của cục sở hữu trí tuệ;

- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín (đồng tác giả - đã nộp đơn đề nghị xuất bản NXB ĐHQG);

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): 02 lần đạt chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 2021, 2022

- Năm 2022: Đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở năm học 2021-2022 (Theo Quyết định số 2402/QĐ-ĐHKHTN ngày 26/08/2022 của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên)

- Năm 2021: Đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở năm học 2020-2021 (Theo Quyết định số 2561/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/09/2021 của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn
hiệu lực của quyết định): Không bị kỉ luật

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Tiêu chuẩn nhà giáo

Theo tiêu chuẩn nhà giáo quy định trong Luật giáo dục Việt Nam 2019, ứng viên nhận thấy đã đáp ứng đủ tiêu chuẩn nhà giáo về tư cách đạo đức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy tại trường Đại học, cụ thể:

Luôn trau dồi, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn để đáp ứng tốt các tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo:

- Giữ gìn, rèn luyện phẩm chất tư tưởng của cán bộ giảng dạy
- Đảm bảo chất lượng đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu của nghề nghiệp
- Có lý lịch bản thân rõ ràng
- Giảng dạy theo đúng các mục tiêu, nguyên lý giáo dục, và chương trình đã được phê duyệt

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, và uy tín của nhà giáo. Luôn tôn trọng, lắng nghe tâm tư nguyện vọng và các yêu cầu chính đáng của sinh viên, thực hiện nguyên tắc lấy người học làm trung tâm trong quá trình giảng dạy

- Không ngừng tự đào tạo, rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, cũng như chiến lược phát triển của Nhà trường. Sau khi tốt nghiệp đại học hệ đào tạo Chất lượng cao năm 2009, ứng viên được chuyển tiếp lên bậc đào tạo thạc sĩ và tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Thủy văn học năm 2011. Năm 2013 ứng viên tìm kiếm cơ hội du học để nâng cao trình độ chuyên môn và đã tốt nghiệp tiến sĩ tại trường ĐH Yamanashi (Nhật Bản) năm 2017. Năm 2020 tham gia khóa học ngắn hạn của Trung tâm Vật lý Lý thuyết về Học máy và Thống kê cao cấp. Năm 2021 – 2023 hoàn thành đề tài nghiên cứu Sau Tiến sĩ tại Trường ĐH KHTN do Quỹ học bổng VINIF tài trợ. Bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn, ứng viên không ngừng nâng cao nghiệp vụ sự phạm để áp dụng vào công tác giảng dạy. Ứng viên đã được cấp chứng chỉ “Nghiệp vụ sư phạm đại học” tháng 12/2017, được trường Đại học Bang Arizone cấp chứng nhận “Chương trình Bồi dưỡng Nâng cao Năng lực Sư phạm cho Giảng viên” tháng 12/2017, Chứng nhận “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính hạng II” tháng 02/2018, chứng nhận “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp hạng I” tháng 04/2021.

- Thực hiện tốt và đầy đủ các nghĩa vụ công dân, các quy định của Pháp luật và quy định của Nhà trường

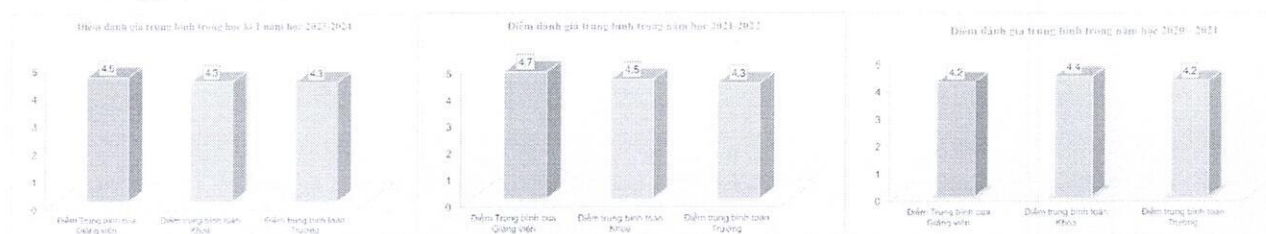
1.2. Nhiệm vụ nhà giáo:

Là cán bộ giảng dạy tại Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, với nhiệm vụ chính là giảng dạy và nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực Thủy văn và Tài nguyên nước. Ứng viên luôn ý thức được tầm quan trọng của công tác giảng dạy, nhằm đào tạo phát triển nguồn nhân lực trình độ cao cho xã hội và trong lĩnh vực Khoa học Trái đất nói chung. Để đảm nhiệm được trọng trách này, người giảng viên phải có kiến thức vững vàng. Để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy cần phải thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học. Kết quả từ các hoạt động

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước nghiên cứu khoa học sẽ cung cấp tư liệu, kiến thức hỗ trợ cho công tác giảng dạy, làm cơ sở cho các công bố khoa học và gắn chặt với công tác hướng dẫn, đào tạo.

a. Hoạt động đào tạo

Ứng viên luôn thực hiện đủ và vượt số giờ chuẩn quy định theo đúng quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Đại học Quốc gia Hà Nội và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Trong quá trình giảng dạy ứng viên luôn đảm bảo nội dung khoa học, tính cập nhật và thực tiễn ở Việt Nam. Ứng viên thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy người học là trung tâm, nắm bắt nhu cầu người học nhằm đạt hiệu quả trong dạy và học. Giới thiệu, cập nhật phương pháp mới để sinh viên và học viên nắm bắt, áp dụng trong công tác nghiên cứu và lĩnh vực liên quan. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, ứng viên tích hợp thêm kiến thức về phương pháp học, đọc sách, kỹ thuật đặt câu hỏi và phương pháp ghi chép. Các lớp học phần do ứng viên phụ trách luôn được sinh viên đánh giá tốt với điểm số trung bình từ 4,2-4,8/5 (theo kết quả khảo sát của Phòng Thanh tra, pháp chế và đảm bảo chất lượng) (Hình 1).



Hình 1. Điểm đánh giá trung bình qua các năm học

(Nguồn: Phòng Thanh tra Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Trường ĐH KHTN, Hà Nội)

Ứng viên đã đào tạo 05 HVCH đã nhận bằng tại ĐHKHTN, ĐHQGHN. với 4 thạc sĩ theo hướng nghiên cứu biến động TNN trong bối cảnh BĐKH, hoạt động đô thị hoá, và 01 thạc sĩ theo hướng nghiên cứu đánh giá rủi ro, định lượng thiệt hại do thiên tai. Nội dung các luận văn thạc sĩ gắn kết chặt chẽ với hướng nghiên cứu khoa học. Luôn tạo điều kiện cho sinh viên và học viên rèn luyện kỹ năng phát hiện vấn đề, tự nghiên cứu giải quyết vấn đề, làm việc độc lập và làm việc nhóm, tăng khả năng thích ứng của người học trước bối cảnh BĐTC. Bên cạnh đó ứng viên tham gia tích cực trong công tác cố vấn học tập, hướng dẫn sinh viên và học viên sau đại học thực hiện nghiên cứu và hoàn thành tốt chương trình đào tạo, tham gia các hội đồng đánh giá khoá luận, luận văn, luận án cho bậc đại học và sau đại học. Ứng viên đã hướng dẫn 05 luận văn thạc sĩ đã bảo vệ thành công.

Ngoài ra ứng viên còn tham gia xây dựng, chỉnh sửa 03 chương trình đào tạo của Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học “Tài nguyên và Môi trường nước (bậc đại học)”, Thủy văn học (bậc Thạc sỹ, Tiến sỹ). Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ứng viên đã tích cực tham gia các khóa tập huấn về giảng dạy trực tuyến như LMS, Google meet, Google classroom, Team, Zoom và đã áp dụng những phần mềm này vào công việc giảng dạy trong thời gian giãn cách xã hội do Covid-19.

b. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Ứng viên luôn tích cực tham gia nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ. Đã chủ trì 01 đề tài cấp ĐHQGHN, 01 đề tài cơ sở về nhiệm vụ môi trường (đã nghiệm thu), thực hiện 02 đề tài nghiên cứu sau tiến sỹ được tài trợ bởi quỹ học bổng VINIF (đã nghiệm thu); tham gia thực hiện 07 đề tài các cấp (cấp tỉnh, dự án WB4, đề tài cấp ĐHQG); hiện đang là thư ký khoa học, và là chủ trì một đề tài nhánh thuộc nhóm đề tài

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp quốc gia – 562. Ứng viên đã công bố 43 công trình khoa học, trong đó có 16 bài báo quốc tế (ISI/Scopus) (09 bài là tác giả chính), 1 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, 7 bài trình bày trong hội thảo quốc tế, 19 bài đăng trong tạp chí khoa học trong nước, 01 bài đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc gia; tham gia biên soạn 01 sách giáo trình do NXB ĐHQGHN xuất bản; tham gia biên dịch 2 quyển sách tham khảo.

Tham gia vào các hội đồng xét phê duyệt, nghiệm thu các đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp ĐHQG, cấp Nhà nước thuộc Bộ khoa học và Công nghệ. Tham gia các hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, tiến sĩ với tư cách uỷ viên và uỷ viên phản biện. Tham gia phản biện khoa học cho một số tạp chí khoa học trong và ngoài nước như Journal of Hydrology, Journal of Water and Climate Change, Natural Hazards.

c. Thực hiện các nhiệm vụ khác

Sau khi tốt nghiệp tiến sĩ ở Nhật và trở về nước vào đầu năm 2017, ứng viên đã tích cực đẩy mạnh hợp tác quốc tế Nhật – Việt trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, thường xuyên đón tiếp chuyên gia Nhật sang ĐHKHTN trao đổi học thuật ngắn hạn, viết thư giới thiệu xin học bổng cho sinh viên, HVCH Khoa KTTVHDH.

Khi đảm nhận vị trí phó trưởng bộ môn phụ trách đào tạo và đảm bảo chất lượng từ 1/2022 đến nay, ứng viên đã cùng Ban lãnh đạo khoa và bộ môn hoàn thành kiểm định chương trình đào tạo bậc thạc sĩ Thủy văn học theo bộ tiêu chuẩn của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN) và đã được AUN chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Cùng với tập thể đã góp phần đưa bộ môn Thủy văn và Tài nguyên nước đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cấp cơ sở ba năm liền 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, và đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cấp ĐHQG năm 2022-2023. Bản thân ứng viên cũng được tập thể Khoa và Trường ĐH Khoa học Tự nhiên xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2 năm liền 2020-2021, 2021-2022.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 6 năm 7 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019			02		150		150/332/270
2	2019-2020					120	90	210/283/270
3	2020-2021			01		135	90	225/371/229.5
03 năm học cuối								
4	2021-2022			02	01	150	90	240/496/229.5
5	2022-2023					45	135	180/259/204
6	2023-2024				01	105	180	285/434/204

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Nhật Bản năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng tốt nghiệp Tiến sĩ ở nước ngoài với Luận án viết bằng Tiếng Anh; Chứng chỉ IELTS

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Phước Huy		X	X		2017 - 2019	Trường ĐHKHTN	22/05/2020
2	Nguyễn Phước Thọ		X	X		2017 - 2019	Trường ĐHKHTN	22/05/2020
3	Nguyễn Hồng Hạnh		X	X		2018 - 2021	Trường ĐHKHTN	01/03/2022
4	Lê Thị An Hải		X	X		2020 - 2022	Trường ĐHKHTN	12/04/2023
5	Lê Hà My		X		X	2020 - 2022	Trường ĐHKHTN	12/04/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận TS							
1	Thuy văn đại cương	GT	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. 2024	5	Nguyễn Tiền Giang	Tham gia biên soạn chương 6, chương 7, mục 5.1 chương 5	Đã nghiệm thu và đang chờ giấy phép xuất bản

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

a. Các nhiệm vụ khoa học chủ trì/thư ký đã hoàn thành

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Giai đoạn trước khi được công nhận Tiến sĩ				
1	Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến biến động tài nguyên nước và vấn đề ngập lụt lưu vực các sông Nhuệ, sông Đáy trên địa bàn thành phố Hà Nội.	TG	QGTĐ. 10.06	2010 - 2012	Đã hoàn thành
2	Lập nhiệm vụ quy hoạch lưu vực sông Bến Hải và Thạch Hãn tỉnh Quảng Trị,	TG	Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị	2011 - 2012	Đã hoàn thành
3	Điều tra, đánh giá hiện trạng các nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, phục vụ lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái và cạn kiệt; Đề xuất các giải pháp xử lý, khôi phục".	TG	Sở TN&MT tỉnh Khánh Hoà	2011	Đã hoàn thành
II	Giai đoạn sau khi được công nhận Tiến sĩ				
4	Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá thiệt hại do lũ đối với cây trồng nông nghiệp - Thử nghiệm áp dụng cho xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.	CN	QG.19. 03	12/2018 – 12/2020	Quyết định 4035/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2020 thành lập hội đồng nghiệm thu đánh giá đề tài KHCN; Nghiệm thu 29/12/2020, Xếp loại: Tốt
5	Truyền thông bảo vệ môi trường cho sinh viên nhập học năm mới tại ĐHQGHN	CN		10/2017- 12/2017	Quyết định 5080/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/12/2017 thành lập Tổ nghiệm thu nhiệm vụ bảo vệ môi trường;
6	Dao động và biến đổi của dòng chảy tại một số lưu vực sông lớn ở Việt Nam dưới tác động của BĐKH	CN	VINIF. 2021.28; VINIF. 2022.25	11/2021- 11/2023	Xếp loại: xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

b. Các nhiệm vụ khoa học đang thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu xây dựng phương pháp, công nghệ dự báo dòng chảy mùa cạn, thời hạn 10 ngày, tháng, mùa đến biên giới Việt- Trung	TK/ CN đề tài nhánh	ĐTĐL.CN-06.23	2023 – 2025	Đang thực hiện

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tạp, số, trang	Tháng năm công bố
I GIAI ĐOẠN TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ								
I.1 Tạp chí quốc tế								
1.	Establishing flood damage functions for agricultural crops using estimated inundation depth and flood disaster statistics in data – scarce regions	3	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	Hydrological Research Letters	ISI (IF ₂₀₂₂ = 1.1, Q2) Online ISSN: 1882-3416	17	11: 12-18. https://doi.org/10.3178/hrl.11.12	2017
2.	Estimation of water depth using flood extent information and hydrodynamic simulation	3	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	Hydrological Research Letters	ISI (IF ₂₀₂₂ = 1.1, Q2) Online ISSN: 1882-3416	24	10: 39-44. https://doi.org/10.3178/hrl.10.39	2016
I.2 Tạp chí quốc gia								
3.	Ứng dụng mô hình SWAT khảo sát ảnh hưởng của các kịch bản sử dụng đất đối với dòng chảy lưu vực sông Bến Hải	2	X (tác giả đứng đầu)	Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140		6	T.25 số 3S – 2009, tr 492-498	2009
4.	Applying SWAT model to simulate streamflow in Ben Hai River Basin in response to climate change scenarios	2		Journal of Science, Earth Sciences, VNU. ISSN 0866-8612		5	XXIII, N3	2009
5.	Tính toán nhu cầu nước các ngành kinh tế lưu vực sông Cầu	3	X (tác giả đứng đầu)	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140			Tập 26, số 3S, 413	2010

6.	Cân bằng nước hệ thống lưu vực sông Cầu bằng mô hình MIKE BASIN. Định hướng và phát triển	3		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140			Tập 26, số 3S, 463	2010
7.	Ứng dụng mô hình MIKE FLOOD tính toán ngập lụt hệ thống sông Nhuệ - Đáy trên địa bàn thành phố Hà Nội	4	X (tác giả liên hệ)	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140		5	Tập 27, số 1S, 37	2011
8.	Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến dòng chảy lưu vực sông Đáy trên địa bàn thành phố Hà Nội	4		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140			Tập 27, số 1S, 192	2011
9.	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến biến đổi tài nguyên nước lưu vực sông Nhuệ - Đáy	4		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140			Tập 27, số 1S, 218	2011
10.	Khảo sát hiện trạng tài nguyên nước lưu vực sông Nhuệ - Đáy	4		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140			Tập 27, số 1S, 227	2011
11.	Biến đổi dòng chảy kiệt trong bối cảnh Biến đổi khí hậu trên lưu vực sông Nhuệ Đáy	2	X (tác giả đứng đầu)	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140		2	Tập 27, số 3S, tr. 39-43	2011
12.	Nhu cầu sử dụng nước tỉnh Khánh Hòa - Hiện trạng và tương lai	4		Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ e-ISSN 2588-1140			Tập 28, số 3S tr.92-99	2012
13.	Đánh giá dòng chảy năm tỉnh Khánh Hòa trong bối cảnh biến đổi khí hậu	4	X (tác giả đứng đầu)	Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140			Tập 28, số 3S tr.100-107	2012
14.	Cân bằng nước các lưu vực sông tỉnh Khánh Hòa bằng mô hình MIKE BASIN	4		Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140			Tập 28, số 3S tr.173-181	2012

15.	Nghiên cứu xây dựng bản đồ tính dễ bị tổn thương do ngập lụt cho lưu vực sông Nhuệ Đáy trên địa bàn thành phố Hà Nội	5		Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISSN 2615-9317 e-ISSN 2588-1140			Tập 29, số 1S tr. 56-63	2013
16.	Đánh giá tính dễ bị tổn thương tài nguyên nước lưu vực sông Nhuệ Đáy	4		Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ e-ISSN 2588-1140			Tập 29, số 1S tr. 126-133	2013
17.	Ứng dụng mô hình LITPACK trong việc nghiên cứu biến động đường bờ của bãi biển Cửa Tùng	3		Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Các Khoa học Trái đất và Môi trường ISSN / eISSN: 2615-9279 /2588-1094			Tập 30, Số 3 (2014) tr. 49-54	2014
I.3	Báo cáo khoa học hội nghị quốc tế, quốc gia							
18.	The potential impacts of climate change on flood flow in Nhue – Day river basin.	4	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	The second International MAHASRI/HyARC Workshop			August 22-24, 2011, Nha Trang, Vietnam.	2011
19.	Estimating of inundation water depth using flood extent information and hydrodynamic simulations.	2	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	Japan Society of Civil Engineers Conference, 16-18 September 2015, Okayama, Nhật.				2015
II	GIAI ĐOẠN SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIỀN SĨ							
II.1	Tạp chí quốc tế							
20.	A composite approach towards understanding the mechanisms and driving variables of river mouth variability: A case study of the Da Dien River mouth	6	X (tác giả đứng đầu)	Coastal Engineering Journal Print ISSN: 2166-4250 Online ISSN: 1793-6292	ISI (IF _{5year} = 2.7, Q1)		64:4, 533-550, https://doi.org/10.1080/21664250.2022.2124046	2022
21.	Developing a multivariable lookup table function for estimating flood damages of rice crop in Vietnam using a secondary research approach.	3	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	International Journal of Disaster Risk Reduction Online ISSN: 2212-4209	ISI (IF= 5.0, Q1, Top5%)	10	Vol 58, 2021, 102208. https://doi.org/10.1016/j.ijdr.2021.102208	2021
22.	Integration of Machine Learning and hydrodynamic modeling to solve the extrapolation problem in flood depth estimation	6	X (tác giả liên hệ)	Journal of Water and Climate Change ISSN 2040-2244 EISSN 2408-9354	ISI (IF ₂₀₂₄ = 2.8, Q2)		15 (1), 284-304. https://doi.org/10.2166/wcc.2023.573	2023

23.	Geological hazard investigation combined with mathematical modeling in flood risk assessment: A case study of Hoang Long river, Ninh Binh province, Vietnam	3	X (tác giả đứng đầu)	Journal of the Polish Mineral Engineering Society ISSN 1640-4920	ESCI		http://doi.org/10.29227/IM-2023-02-47 .	2023
24.	Examining the Predictability of Tropical Cyclogenesis over the East Sea of Vietnam through the Ensemble-Based Data Assimilation System	4		Atmosphere ISSN: 2073-4433	ISI (IF _{5year} =3.0, Q2)		2023, 14, 1671. https://doi.org/10.3390/atmos14111671 .	2023
25.	A framework for flood depth using hydrodynamic modeling and machine learning in the coastal province of Vietnam	7		Vietnam Journal of Earth Sciences e-ISSN: 2815-5890	ISI (IF ₂₀₂₄ =2.1, Q2)	4	https://doi.org/10.15625/2615-9783/18644	2023
26.	Bottom-up approach for flood-risk management in developing countries: a case study in the Gianh River watershed of Vietnam	10		Nat Hazards ISSN 0921-0308	ISI (IF _{5year} =3.9, Q1)	3	https://doi.org/10.1007/s11069-023-06098-4 .	2023
27.	Climate Change Impact on the Streamflow for the Nam Ou Catchment, North Laos in the Mekong Basin	3	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	J. Ecol. Eng ISSN 2299-8993	ISI (IF ₂₀₂₂ =1.3, Q2)	1	24(8):209–217. https://doi.org/10.12911/22998993/166386	2023
28.	Assessing pollution characteristics and human health risk of exposure to PM2.5-bound trace metals in a suburban area in Hanoi, Vietnam	7		Human and ecological risk assessment: an international journal Print ISSN: 1080-7039 Online ISSN: 1549-7860	ISI (IF _{5year} =4.4, Q2)	13	28(3-4) https://doi.org/10.1080/10807039.2022.2056872	2022
29.	Evaluation of Grid-Based Rainfall Products and Water Balances over the Mekong River Basin	5		Remote sensing. ISSN: 2072-4292	ISI (IF _{5year} =5.6, Q1)	33	Vol. 12. Iss 11, 2020. https://doi.org/10.3390/rs12111858	2020
30.	Utility of GSMaP precipitation and point scale in gauge measurements for stream flow modelling	4		J. Ecol. Eng ISSN 2299-8993	ISI (IF ₂₀₂₂ =1.3, Q2)	6	vol. 21, iss. 2 DOI: https://doi.org/10.12911/22998993/116350	2020
31.	An approach for flow forecasting in ungauged catchments - a case study for Ho Ho reservoir catmench, Ngan Sau river, Central Vietnam	3		J. Ecol. Eng ISSN 2299-8993	ISI (IF ₂₀₂₂ =1.3, Q2)	16	Vol. 19(3), May 2018, pp. 74-79, https://doi.org/10.12911/22998993/85759 .	2018

32.	Streamflow prediction using Long Short-term Memory networks. Terrestrial, Atmospheric and Oceanic Sciences	4	X (tác giả đầu)	Terrestrial, Atmospheric and Oceanic Sciences	ISI (IF ₂₀₂₄ =0.9, Q3)		https://doi.org/10.21203/rs.3.rs-3680003/v1	Đã accept
33.	Shift timing of flood peaks in the Mekong River Basin. Terrestrial, Atmospheric and Oceanic Sciences	4	X (tác giả đầu và tác giả liên hệ)	Terrestrial, Atmospheric and Oceanic Sciences	ISI (IF ₂₀₂₄ =0.9, Q3)			Đã accept
II.2 Tạp chí quốc gia								
34.	A review on baseflow separation methods	1	X (tác giả đứng đầu, tác giả liên hệ)	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN: 2525 - 2208	IF=1.88		20. 37-51. http://tapchiktvtv.vn/article/3769	2024
35.	Đánh giá chất lượng mưa vệ tinh CMORPH	4	X (tác giả liên hệ)	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN: 2525 - 2208	IF=1.88		2024, 763, 24-34	2024
36.	Giới thiệu một số phương pháp tính toán lưu lượng dòng chảy cho lưu vực thiếu hoặc không có số liệu quan trắc mặt đất	6		Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN: 2525 - 2208	IF=1.88		10.36335/VN/JHM.2022(74(1)).62-76 http://tapchiktvtv.vn/article/3460	2022
37.	Đánh giá hệ thống giám sát lũ toàn cầu GFMS cho thành phố Hà Tĩnh	7	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	Tạp chí Khí tượng Thủy văn ISSN: 2525 - 2208	IF=1.88		2022, 740 (1), 24-37. http://tapchiktvtv.vn/article/3389	2022
38.	Quantifying the direct impacts of climate change on flood damage for rice in Hung Nguyen district, Nghe An province	6	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội. Các Khoa học Trái đất và Môi trường eISSN: 2588-1094			37(3). 1-10 https://js.vnu.edu.vn/ES/article/view/4678	2021
II.3 Báo cáo khoa học hội nghị quốc tế, quốc gia								
39.	Streamflow prediction using Long Short-term Memory Networks: Defining the appropriate hyperparameters for Kratie station, Mekong River Basin.	3	X (tác giả đứng đầu)	Hội thảo Vietnam-France Meeting on Mathematics for Development, 09/2023				2023
40.	Preliminary Evaluation of IMERG Precipitation Estimates Over Northern Vietnam	2	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	IAHRypcongress3 (3rd IAHR Young Professionals Congress), 08 Nov – 02 Dec 2022.				2022
41.	Uncertainty in base flow separation by recursive digital filter – case study in the Sesan river basin, Mekong basin	2	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	Proceeding Hội nghị Khoa học Trái đất và Tài nguyên với Phát triển bền vững – ERSD 11, 2022, Hà Nội				2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

42.	A practice review on disaster risk reduction and management in Vietnam	1	X (tác giả đứng đầu và tác giả liên hệ)	Tropical Meteorology, Hydrology and Disaster Mitigation Forum, November 2019, Hainan, China				2019
43.	Evaluation of GSMaP and Gauge rainfall merging techniques for stream flow modelling using SWAT model over the Lam river basin	3		International conference on Intergrated water resources management, irrigation works efficiency improvement and modernization, Oct-2019, HaNoi, VietNam				2019

- Trong đó: 7 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo	Vai trò UV	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài nguyên và Môi trường nước	Thành viên - Thư ký	Quyết định số 2643/QĐ-ĐHKHTN về việc thành lập các tổ chuyên gia điều chỉnh chương trình đào tạo	Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định số 3557/QĐ-ĐHKHTN về việc ban hành chương trình đào tạo ngày 18/10/2023	(Ngành đào tạo thí điểm)
2	Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Thủy văn học	Thành viên - Thư ký	Quyết định số 2645/QĐ-ĐHKHTN về việc thành lập các tổ chuyên gia điều chỉnh chương trình đào tạo	Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định số 4909/QĐ-ĐHKHTN về việc ban hành chương trình đào tạo ngày 26/12/2023	
3	Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Thủy văn học	Thành viên - Thư ký	Quyết định số 2649/QĐ-ĐHKHTN về việc thành lập các tổ chuyên gia điều chỉnh chương trình đào tạo	Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định số 4912/QĐ-ĐHKHTN về việc ban hành chương trình đào tạo ngày 26/12/2023	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

Đáp ứng đủ theo các tiêu chuẩn so với quy định

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Ý Như